

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 02- 2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi và vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Lợi

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 08/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Hà Thị Trúc P**, sinh năm: 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh T.

- **Bị đơn:** **Cao Thị T**, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Đoàn Văn H, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai ngày 08/01/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Hà Thị Trúc P trình bày:

Bà Cao Thị T là hụi viên có tham gia chơi trong nhiều dây hụi, hụi ngày và hụi tháng do chị làm chủ. Việc chơi hụi các bên không có lập biên bản nhưng hốt hụi, giao tiền hụi hốt cho hụi viên thì chị có lập biên bản thỏa thuận giao hụi và người hốt, nhận tiền ký tên, viết họ tên vào biên bản tại mục đại diện bên B. Hình thức chơi hụi là ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. Các dây hụi bà Cao Thị T tham gia chơi đều đã hốt hụi. Cụ thể các dây hụi tham gia chơi như sau:

* **Hụi tháng:**

- **Dây hội thứ 1:** Khai vào ngày 10/10/2021 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, tháng khai 02 lần, dây hội có 32 phần. Bà T tham gia chơi 01 phần. Dây hội này bà T đã bỏ thăm hết hội, chủ hội giao số tiền hết hội là 23.680.000 đồng và giao đủ. Sau khi hết hội bà T có đóng được 28 kỳ hội chết thì ngưng, còn lại 04 kỳ hội chết chưa đóng số tiền là 4.000.000 đồng, chủ hội phải choàng hội đóng thay. Dây hội này hiện nay đã mãn.

- **Dây hội thứ 2:** Khai vào ngày 30/01/2022 âm lịch, có mệnh giá 3.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, dây hội có 20 phần. Bà T tham gia chơi 02 phần. Dây hội này bà T đã bỏ thăm hết hết 02 phần hội. Sau khi hết 02 phần hội, bà T có đóng được 06 kỳ hội chết thì ngưng, còn lại 10 kỳ hội chết chưa đóng (10 kỳ x 02 phần x 3.000.000 đồng) số tiền là 60.000.000 đồng, chủ hội phải choàng hội đóng thay. Dây hội này hiện nay đã mãn.

- **Dây hội thứ 3:** Khai vào ngày 20/9/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, dây hội có 22 phần. Bà T tham gia chơi 02 phần. Dây hội này bà T đã bỏ thăm hết 01 phần hội ở lần khai thứ 02, chủ hội giao tiền đủ. Sau khi hết 01 phần hội, bà T không có đóng hội chết, còn lại 20 kỳ hội chết chưa đóng số tiền là 40.000.000 đồng và 01 phần hội sống đã đóng nhưng chưa hết hội. Dây hội này di của bà T là bà H đóng thay để trừ nợ với bà T nên bà xin được rút yêu cầu khởi kiện của dây hội này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Hội ngày:**

- **Dây hội thứ 1:** Khai vào ngày 29/10/2022 âm lịch, có mệnh giá 100.000 đồng/ngày, dây hội có 60 phần. Bà T tham gia chơi 07 phần. Dây hội này bà T đã bỏ thăm hết hết 07 phần. Chủ hội giao đủ số tiền hết hội. Sau khi hết hội bà T có đóng được 38 ngày thì ngưng không đóng hội chết, còn nợ lại số tiền hội chết chưa đóng là 15.400.000 đồng. Dây hội hiện nay đã mãn.

- **Dây hội thứ 2:** Khai vào ngày 09/11/2022 âm lịch, có mệnh giá 100.000 đồng/ngày, dây hội có 55 phần. Bà T tham gia chơi 03 phần. Dây hội này bà T đã bỏ thăm hết hết 03 phần. Chủ hội giao đủ số tiền hết hội. Sau khi hết hội bà T có đóng được 28 ngày thì ngưng không đóng hội chết, còn nợ lại số tiền hội chết chưa đóng là 8.100.000 đồng. Dây hội hiện nay đã mãn.

Ngoài ra, vào ngày 22/5/2022 âm lịch, bà T có vay của bà số tiền là 28.000.000 đồng, vay không có làm giấy tờ, không có lãi, vay không có ấn định thời gian trả, vay tiền của bà nói để đóng tiền học cho con, người nhận tiền vay là bà T tại nhà bà T.

Như vậy, bà T còn nợ chị số tiền đến nay chưa trả là 115.500.000 đồng (Gồm tiền hội 87.500.000 đồng, tiền vay 28.000.000 đồng). Chị đã nhiều lần đòi tiền nợ nhưng bà T và ông H không trả, né tránh. Quá trình chơi hội, ông H chồng bà T có biết và nhiều lần đi đóng tiền hội cho bà T.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải liên đới trả cho chị số tiền nợ là 115.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị P xin được rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của dây hội tháng khai ngày 20/9/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Cao Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn

H các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Cao Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng bà T, ông H vẫn vắng mặt. Tại đơn xác nhận ngày 07/4/2023, 11/4/2023 công an xã Thới Lai xác nhận bà T, ông H vẫn còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông Đoàn Văn H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đơn khởi kiện nguyên đơn chị Hà Thị Trúc P khởi kiện vợ chồng bà T và ông H yêu cầu trả số tiền nợ góp hụi là 127.500.000 đồng. Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị P chỉ khởi kiện bà T và ông H yêu cầu trả số tiền nợ góp hụi là 87.500.000 đồng. Chị P xin được rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của dây hụi thứ 3, khai vào ngày 20/9/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, dây hụi có 22 phần. Bà T tham gia chơi 02 phần, số tiền là 40.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị P đối với dây hụi thứ 3, khai vào ngày 20/9/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Trúc P yêu cầu bị đơn bà Cao Thị T phải trả số tiền nợ hụi 87.500.000 đồng và tiền nợ vay 28.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các bản thỏa thuận giao hụi đề ngày 27/02/2022, 01/5/2022, 20/10/2022 và giấy ghi hụi có chữ ký của bị đơn bà T (Bút lục số 11 đến 14) do nguyên đơn chị P cung cấp thể hiện trong hồ sơ vụ án. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị P khai và xác định, các giấy tờ chứng cứ chị cung cấp khi khởi kiện yêu cầu, bà T đều có ký tên “T, Cao Thị T” dưới mục “Đại diện bên B” (Bút lục số 11 đến 13) và khi xác nhận tiền nợ (Bút lục số 14). Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa chị P và bà T có quan hệ giao dịch chơi hụi và vay tiền, chị P không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền nợ hụi 87.500.000 đồng và tiền nợ vay 28.000.000 đồng đến nay bà T chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Các giấy giao tiền hụi đều ghi rõ địa chỉ bị đơn bà Cao Thị T đang sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà T và ông H đều không có ý kiến phản hồi đối với tiền nợ hụi và tiền nợ vay mà nguyên đơn chị P đã khởi kiện. Do đó, chị P khởi kiện yêu cầu bà T, ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 87.500.000 đồng và nợ vay 28.000.000 đồng. Tổng cộng

là 115.500.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn chị P không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[2.4] Nguyên đơn chị P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải liên đới trả nợ vay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, phía nguyên đơn đều khẳng định các lần cho vay hụi, cho vay tiền và nhận tiền vay ông H đều biết và có đi đóng tiền hụi thay cho bà T. Ông H là chồng bà T, có đăng ký kết hôn và còn sống chung (Bút lục số 53). Số nợ này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông H. Ông H không có ý kiến bằng văn bản phản hồi số tiền nợ này. Do đó, chị P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T và ông H cùng liên đới trả tiền nợ hụi và tiền nợ vay nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ P được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà T và ông H phải liên đới chịu án phí là:

$115.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.775.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 469, 471, 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 92, khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, húy, biên, phường; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hụi của đây hụi tháng khai vào ngày 20/9/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng giữa nguyên đơn chi Hà Thị Trúc P đối với bị đơn bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Trúc P đối với bị đơn bà Cao Thị Tvà ông Đoàn Văn H.

3. Buộc bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hà Thị Trúc P số tiền 115.500.0000 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) (gồm tiền vay 28.000.000 đồng, tiền hụi 87.500.000 đồng).

4. Ghi nhận chị Hà Thị Trúc P không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải chịu 5.775.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Hà Thị Trúc P 3.887.500 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000616 ngày 29/11/2023, số 0003254 ngày 08/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSNĐ huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương